|  |  |
| --- | --- |
| A blue circle with text and a book  AI-generated content may be incorrect. | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**  **BỘ MÔN QUẢN LÝ CÔNG** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

***Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần***

**1. Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG** |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **PUBLIC RELATION** |
| **Mã học phần** | BBM5073 |
| Thuộc khối kiến thức | 🗹 Kiến thức ngành   |  |  | | --- | --- | | 🗹 Bắt buộc | 🞎 Tự chọn | |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025 - 2029 |
| Năm học | 2026 - 2027 |
| Học kỳ | VI |
| Số tín chỉ | 02 tín chỉ:  - Lý thuyết (30 tiết/tín chỉ): 02  - Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (30 tiết/tín chỉ): 0  - Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): |
| Môn học tiên quyết |  |
| Môn học trước |  |
| Môn học sau |  |
| Môn học song hành |  |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | ThS. Cung Thục Linh |
| Các giảng viên trợ giảng |  |

**2. Mô tả môn học**

*(Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)*

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Quan hệ Công chúng. Môn học đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của tổ chức; Quy trình hoạch định chương trình PR; Các công cụ thực thi chính của PR; Đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong tổ chức và những yêu cầu đối với người làm nghề PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

**3. Tài liệu học tập**

*Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)*

***3.1. Giáo trình:***

1. Nguyễn Đình Toàn (Chủ biên). (2024). *Giáo trình Quan hệ công chúng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân..

***3.2. Tài liệu khác:***

1. Vân Thị Hồng Loan, Nguyễn Hoàng Sinh, & Nguyễn Ngọc Đan Thanh. (2024). *Giáo trình Quan hệ công chúng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bùi Thị Phương Hoa (Chủ biên). (2023). *Giáo trình Quan hệ công chúng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống Kê.

**4. Mục tiêu môn học**

*(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **(COx) (1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của CTĐT**  **(PLOx) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| CO1 | Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và vai trò của PR trong tổ chức; hiểu và vận dụng được lý thuyết, quy trình PR | PLO3 | 4 |
| CO2 | Sinh viên phát triển kỹ năng thiết kế và triển khai chương trình PR phù hợp với mục tiêu của tổ chức. | PLO5 | 4 |
| CO3 | Sinh viên hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng tự học trong lĩnh vực PR | PLO9 | 4 |

*(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.*

*(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học*.

**5. Chuẩn đầu ra môn học**

*Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR (CLOx)** | **(1) Mô tả CĐR** | **(2) Mức độ giảng dạy (I, T, U)** |
| **CLO1** | Trình bày và giải thích được khái niệm, vai trò, lý thuyết và quy trình PR; vận dụng để phân tích, xây dựng và đánh giá kế hoạch PR trong thực tiễn. | T |
| **CLO2** | Phân tích nhu cầu truyền thông, thiết kế chương trình PR, phối hợp công cụ PR (sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng) và thực hành triển khai, đảm bảo hiệu quả truyền thông. | U |
| **CLO3** | Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tinh thần hợp tác và sáng tạo trong hoạt động PR; chủ động tự học để thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và xã hội. | T |

*(1): Ký hiệu CĐR của môn học*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

**6. Đánh giá môn học**

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá**  **(1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)**  **(2)** | **CĐR**  **môn học**  **(CLOx)**  **(3)** | **Tiêu chí đánh giá**  **(4)** | **Thời lượng đánh giá**  **(5)** | **Trọng số**  **(6)** | **Trọng số con**  **(7)** |
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 | CLO1-CLO3 | Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ, chấp hành tốt nội quy trên lớp |  | **30%** | 50% |
| A1.2 | Sinh viên tích cực tham gia bài học trên lớp có hiệu quả |  | 30% |
| A1.3 | Sinh viên làm các bài tập đầy đủ, có chuẩn bị bài học tại nhà. |  | 20% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | A2.1  Kiểm tra giữa kỳ | CLO1-CLO3 | Kiểm tra tự luận | 60p | **20%** | 100% |
| A3. Đánh giá cuối kì | A3.1  Thi cuối kỳ | CLO1-CLO3 | Thi tự luận (trên giấy), sinh viên không sử dụng tài liệu. | 60p | **50%** | 100% |

*(1): Các thành phần đánh giá của môn học.*

*(2): Ký hiệu các bài đánh giá*

*(3): Các CĐR được đánh giá.*

*(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học…..*

*(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)*

*(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học*

*(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá*

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | **Thang điểm hệ 10** | **Thang điểm hệ 100** | **Thang điểm hệ 4** | |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
| < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

**7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

*(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)*

***7.1. Lý thuyết:***

| **TUẦN**  **WEEK** | **NỘI DUNG**  **CONTENT** | **CHUẨN ĐẦU RA**  **DETAILED OUTCOME** | **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**  **TEACHING AND LEARNING ACTIVITIES** | **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ**  **ASSESSMENT EVIDENCE** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Giới thiệu môn học**  **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**  1. Các khái niệm  2. Tiến trình PR  3. 5 nguyên tắc PR  4. Vai trò của PR trong Marketing Mix  5. Lợi ích của PR đối với doanh nghiệp  6. Những kỹ năng thiết yếu | CLO1-CLO3 | **Dạy**:  - Giới thiệu đề cương môn học)  **Học ở lớp**:  - Chia nhóm (5 SV/nhóm)  - Giới thiệu nhóm học tập  - Đọc trước tài liệu chương 1. | A1.1-A3.1 |
| **2** | **CHƯƠNG 2: HOẠT ĐỘNG CỦA PR TRONG CÁC TỔ CHỨC**  1. Quan hệ với truyền thông  2. Quan hệ với khách hàng  3. Quan hệ với nhân viên  4. Quan hệ với nhà đầu tư  5. Quan hệ với chính quyền  6. Từ thiện và hoạt động cộng đồng  7. Truyền thông tiếp thị  8. Quản lý khủng hoảng. | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  **Học ngoài lớp**:  Đọc trước tài liệu chương 3 | A1.1-A3.1 |
| **3** | **CHƯƠNG 3 : NGHIÊN CỨU CÔNG CHÚNG**  1. Nghiên cứu  2. Công chúng | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  **Học ngoài lớp**: Thảo luận làm bài tập  Đọc trước tài liệu chương 4 | A1.1-A3.1 |
| **4** | **CHƯƠNG 4 : LẬP KẾ HỌACH PR**  1. Vai trò của lập kế hoạch PR  2. Các phương pháp lập kế hoạch PR  3. Các thành phần của chương trình PR  4. Bản kế hoạch PR. | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  Đọc trước tài liệu chương 5 | A1.1-A3.1 |
| **5** | **CHƯƠNG 5 : THỰC THI GIAO TIẾP**  1. Tổng quan về giao tiếp  2. Các công cụ thực thi giao tiếp. | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  Đọc trước tài liệu chương 6 | A1.1-A3.1 |
| **6** | **CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ**  1. Tầm quan trọng của đánh giá  2. Các phương pháp đánh giá  3. Các công cụ đo lường | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  Đọc trước tài liệu chương 7 | A1.1-A3.1 |
| **7** | **CHƯƠNG 7: QUAN HỆ TRUYỀN THÔNG**  1. Vai trò của truyền thông đại chúng trong PR  2. Mối quan hệ giữa truyền thông và PR  3. Làm việc với giới truyền thông  4. Một số công cụ tác nghiệp. | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  Đọc trước tài liệu chương 7 | A1.1-A3.1 |
| **8** | **CHƯƠNG 8: QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG**  1. Khái niệm  2. Quản lý khủng hoảng. | CLO1-CLO3 | **Hoạt động dạy:**  Trình chiếu; thuyết giảng; mô hình hóa; ví dụ minh họa; bài tập  **Học ở lớp**: Thảo luận và phát biểu trên lớp  Đọc trước tài liệu chương 7 | A1.1-A3.1 |
| **9** | Thảo luận về từ thiện, hoạt động cộng đồng với PR | CLO1-CLO3 | Các nhóm sẽ có thời gian chuẩn bị và trình bày, trao đổi kết quả tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên | A1.1-A1.3 |
| **10** | Thảo luận về mối quan hệ giữa truyền thông và PR | CLO1-CLO3 | Các nhóm sẽ có thời gian chuẩn bị và trình bày, trao đổi kết quả tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên | A1.1-A1.3 |

*(1): Thông tin về tuần/buổi học.*

*(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục*

*(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu* CLOx*)*

*(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*

*(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

***7.2. Tổng thời lượng học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Hoạt động dạy và học** | **Số lần** | **Thời lượng (giờ)** | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| ﻿Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Học tại lớp theo kế hoạch giảng dạy | 10 | 3/10 | 30 |
| Tự học ngoài giờ |  |  |  |  |
| Bài luận A1.1 |  |  |  |  |
| Bài tập tình huống A1.2 |  | 10 | 2,5/10 | 2,5 |
| Bài tập tình huống A1.3 |  |  |  |  |
| Bài thuyết trình A2.1 |  |  |  |  |
| Bài kiểm tra giữa kỳ |  | 1 | 1/10 |  |
| Thi cuối kỳ |  |  |  |  |
| **Tổng thời lượng** | | **45 tiết** | **30 tiết** |  |
| **Tổng thời lượng/ ….. giờ** | | **37,5** | **25** |  |
| **﻿ Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** | | **3** | **2** |  |

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

**8. Quy định của môn học**

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)

***8.1. Quy định về tham dự lớp học***

Sinh viên có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp phải nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Các quy định khác theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

***8.2. Quy định về hành vi trong lớp học***

Khóa học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

Tuyệt đối không được ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

***8.3. Quy định về học vụ***

Lớp học được phân chia thành các nhóm, mỗi nhóm được nhận một đề tài/bài tập tình huống trong phạm vi môn học và do giảng viên đề xuất.

Phương pháp đánh giá nội dung thuyết trình và kiểm tra được qui định chi tiết trong Mục 7 của đề cương môn học.

Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Kinh tế-Luật, ĐHQG-HCM.

**9. Phụ trách môn học**

Khoa: Quản trị kinh doanh

Bộ môn: Quản lý công

Địa chỉ và email liên hệ: khoaqtkd@uel.edu.vn

**10. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày:** Ngày 14 tháng 04 năm 2025

**11. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:** Ngày 24 tháng 04 năm 2025

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A signature on a white surface  AI-generated content may be incorrect.**GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG**  **Cung Thục Linh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Thu Hòa** | **TRƯỞNG KHOA**  A blue letter on a black background  Description automatically generated  **Trần Thị Hồng Liên** |